TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 212/2020/QĐST-HNGĐ	*Hồng Bàng, ngày 16 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về chia tài sản chung khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà NTN; nơi cư trú: Số 9/21 đường A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng.

- Ông NVL; nơi cư trú: Số 9/21 đường A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà NTN và ông NVL xây dựng gia đình với nhau trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A quận B, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 436 ngày 27 tháng 7 năm 1987. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận nhưng khoảng 02 năm trở lại đây vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách. Do khả năng đoàn tụ không còn nên bà NTN và ông NVL đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà NTN và ông NVL có hai con chung là C, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1987 và D, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà NTN và ông NVL tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà

án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 08 tháng 10 năm 2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận bà NTN và ông NVL thuận tình ly hôn.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà NTN và ông NVL mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTN và ông NVL thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà NTN và ông NVL có hai con chung là C, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1987 và D, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà NTN và ông NVL tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà NTN và ông NVL mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009875 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà NTN và ông NVL đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Yến